

HỆ THỐNG TÀI CHÍNH VIỆT NAM*

Là một chuyên gia cao cấp thuộc Ủy ban giám sát hoạt động ngân hàng của một nước phát triển có hệ thống tài chính dựa vào các ngân hàng rất mạnh¹, ông Cải Cách - người có rất nhiều kinh nghiệm trong cải cách hệ thống tài chính của các nền kinh tế chuyển đổi (transition economies), từng đưa ra nhiều giải pháp hữu hiệu giúp một số nước Đông Âu cải cách hệ thống ngân hàng thành công, được chính phủ nước này chỉ định dẫn đầu một nhóm chuyên gia sang giúp Việt Nam tìm các giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tài chính, góp phần đưa nền kinh tế phát triển theo đúng định hướng mà Việt Nam đề ra.

Để có thể đề ra được những giải pháp hợp lý nhằm tư vấn cho Việt Nam, việc đầu tiên mà ông Cải Cách và các cộng sự của mình phải làm là tìm hiểu một cách chi tiết về hệ thống tài chính Việt Nam. Sau một thời gian làm việc cật lực được sự hỗ trợ rất tận tình của các cơ quan chức năng Việt Nam, vào đầu năm 2005, nhóm của ông Cải Cách đã đưa một bản báo cáo tóm tắt về hệ thống tài chính Việt Nam.

Do các nguồn lực giới hạn, nhất là về thời gian và yêu cầu của nội dung nghiên cứu, nên nhóm của ông Cải Cách chỉ xem xét một cách tổng quát quá trình hình thành và phát triển của hệ thống tài chính Việt Nam. Phần lớn thời gian nhóm dành cho việc xem xét cấu trúc hệ thống tài chính Việt Nam hiện tại với bốn thành tố chính là: Thị trường tài chính, các tổ chức tài chính, các công cụ tài chính và cơ sở hạ tầng tài chính.

1. Quá trình hình thành và phát triển của hệ thống tài chính Việt Nam

Lịch sử Việt Nam đã trải qua hơn 4.000 năm, nhưng có thể nói rằng hệ thống tài chính Việt Nam - hệ thống tài chính do các ngân hàng đóng vai trò chủ đạo bắt đầu hình thành rõ nét từ năm 1858, năm Việt Nam trở thành một nước phong kiến nửa thuộc địa của Pháp. Thực ra hệ thống tài chính, các phương tiện thanh toán (tiền tệ) luôn là những công cụ không thể thiếu trong bất kỳ một nền kinh tế nào, đã tồn tại từ khi hình thành ra nước Việt Nam. Nhưng hệ thống tài chính, thanh toán thời bấy giờ rất khác so với hiện nay. Một sự kiện đáng chú ý nhất trong thời phong kiến liên quan đến hệ thống tài chính tiền tệ Việt Nam là vào đầu thế kỷ 15, lần đầu tiên Hồ Quý Ly đã cho phát hành và lưu thông tiền giấy.

Để thấy rõ quá trình hình thành và phát triển của hệ thống tài chính Việt Nam, nhóm của ông Cải Cách đã chia ra làm ba loại hình là: ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm.

* Đây chỉ là một tình huống giả định được xây dựng để thảo luận trong các lớp của Trường Fulbright mà không nhằm tới hoặc đề cập đến bất kỳ một trường hợp cụ thể nào.

¹ Hiện nay trên thế giới có hai trường phái về cấu trúc hệ thống tài chính. Trường phái Anh - Mỹ tài chính trực tiếp (thông qua thị trường chứng khoán) đóng vai trò chính; trường phái Đức - Nhật, các trung gian tài chính, nhất là các ngân hàng đóng vai trò chính.

1.1. Quá trình phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam²

Căn cứ vào đặc thù của Việt Nam, nhóm của ông Cải Cách xem xét quá trình phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam qua từng thời kỳ gồm: Quá trình phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam thời Pháp thuộc; Quá trình phát triển của hệ thống ngân hàng ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1954-1975; Quá trình phát triển của hệ thống ngân hàng ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975 và Quá trình phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam từ năm 1975 đến nay.

1.1.1. Hệ thống ngân hàng thời Pháp thuộc³

Trước khi người Pháp đặt chân lên Việt Nam vào năm 1858, Việt Nam chưa có tổ chức ngân hàng và tín dụng. Các hoạt động kỹ nghệ, nông nghiệp và thương nghiệp còn ở trong tình trạng thô sơ và lạc hậu. Việc mua bán giao dịch với các thương gia nước ngoài chủ yếu nằm trong tay nhà vua và các hoàng thân quốc thích, và thường trả bằng vàng bạc hay bằng cách trao đổi các sản phẩm nội địa như đường, hồ tiêu, yến sào...

Đến cuối thế kỷ thứ 19, khi nền đô hộ đã được thiết lập trên toàn cõi Đông Dương thì Việt Nam, trở thành một thị trường độc chiếm của sản phẩm Pháp. Các thương gia Pháp đã lập tại các thành phố lớn và thị trấn, tập trung nhất là ở thành phố Sài Gòn, những xí nghiệp xuất nhập cảng lớn. Các kỹ nghệ gia của họ đầu tư xây dựng những nhà máy lớn: xi măng, giấy, thuốc lá, tơ sợi, đường, rượu... Một số người còn lập những đồn điền lớn trồng cao su, cà phê, chè. Trong kế hoạch củng cố và khai thác những tiềm năng ở Việt Nam, việc phát triển nông nghiệp đòi hỏi những công trình thủy lợi lớn, việc đầu tư vào công nghiệp, thương nghiệp và hệ thống giao thông vận tải, đặc biệt là vụ trùng tu và mở rộng cảng Sài Gòn và xây dựng những cơ sở vật chất khác của guồng máy thuộc địa đòi hỏi sự luân chuyển của những khối tiền tệ lớn lao. Các hoạt động kinh tế của người Pháp ở Đông Dương bành trướng mạnh nên chính phủ phải lập các ngân hàng để hỗ trợ các hoạt động ấy. Lúc đầu có 2 ngân hàng được hình thành, trụ sở đặt tại Pháp, nhưng các chi nhánh được thiết lập tại các thành phố lớn ở Đông Dương.

- *Ngân hàng Đông Dương (Banque de l'Indochine)* thành lập từ 1873, đến năm 1875 được quyền phát hành tiền tệ cho toàn cõi Đông Dương. Phạm vi hoạt động của ngân hàng này trải rộng khắp Đông Dương và các vùng đất Ấn thuộc Pháp. Vào khoảng năm 1930, nó trở thành một phân nhánh thực thụ của các ngân hàng kinh doanh lớn: Société Generale, Credit Industriel et commercial, Crédit foncivo de France, Crédit Lyonnais. Là một công cụ hữu hiệu của chính quyền thuộc địa, Ngân hàng Đông Dương là cơ quan tài chính lớn nhất của chính quyền và tài phiệt Pháp. Ngoài độc quyền phát hành tiền tệ như một Ngân hàng Trung ương, nó còn là một ngân hàng kinh doanh thương mại lớn nhất. Ngân hàng Đông Dương cung cấp vốn cho hoạt động kinh tế của người Pháp ở Đông Dương như Công ty Hòa xa Hải Phòng-Vân Nam, Công ty Than Hòn Gai-Cầm Phả, Công ty Rượu Đông Dương, Công ty đường Hiệp Hòa, Công ty Cao su Đất Đỏ.
- *Pháp-Hoa Ngân hàng (Banque Franco-Chinoise)* được thành lập với mục đích hỗ trợ các giao dịch thương mại giữa Pháp, Đông Dương và Trung Hoa cũng như với một vài nước khác ở Á Đông như Nhật, Thái Lan.

² Để thấy rõ hơn quá trình phát triển của hệ thống ngân hàng Việt nam, có thể tham khảo bài viết "Cải tổ hệ thống Ngân hàng ở Việt nam" của tác giả Nguyễn Minh Kiều.

³ Phần này được tham khảo chủ yếu từ nội dung bài viết tổng quan về thành phố Hồ Chí Minh trên trang <http://www.saigonnet.vn/dulich/saigon/tongquan/kinhte.htm>

Ngoài hai ngân hàng trên, các nước có quyền lợi kinh tế trong vùng cũng có thiết lập các ngân hàng ở Việt Nam như The Chartered Bank, The Hong Kong and Shanghai Banking Corporation của Anh, Trung Quốc ngân hàng và Giao thông ngân hàng của Trung Quốc.

Từ cuối thế kỷ 19 đến 3 thập niên đầu thế kỷ 20, các hoạt động ngân hàng đều ở trong tay người nước ngoài. Mãi đến năm 1927, một số tư bản người Việt Nam mới thành lập một ngân hàng lấy tên là An Nam ngân hàng (sau đổi tên là Việt Nam ngân hàng) với vốn hoàn toàn của người Việt, chủ yếu hỗ trợ cho các hoạt động nông nghiệp. Cho đến năm 1954, người Việt có ngân hàng thứ hai là Việt Nam công thương ngân hàng.

1.1.2. Hệ thống ngân hàng Việt Nam ở miền Bắc giai đoạn 1954-1975⁴

Ngày 6 tháng 5 năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 15/SL thành lập Ngân hàng Quốc Gia Việt Nam với các nhiệm vụ chính gồm: Phát hành giấy bạc, quản lý Kho bạc, thực hiện chính sách tín dụng để phát triển sản xuất.

Ngày 21/1/1960, Ngân hàng Quốc Gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phù hợp với hiến pháp 1946 của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Những năm sau khi Miền Nam giải phóng 1975, tháng 7 năm 1976, Ngân hàng Quốc gia ở miền Nam được hợp nhất vào Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tạo thành hệ thống Ngân hàng Nhà nước duy nhất của cả nước. Hệ thống tổ chức thống nhất của Ngân hàng Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Trung ương đặt trụ sở chính tại thủ đô Hà Nội, các Chi nhánh Ngân hàng tại các tỉnh, thành phố và các chi điểm ngân hàng cơ sở tại các huyện, quận trên phạm vi cả nước.

Quá trình phát triển của hệ thống Ngân hàng Việt Nam ở Miền Bắc có thể được chia làm hai thời kỳ như sau:

Thời kỳ 1951 - 1954: Trong thời kỳ này, Ngân hàng quốc gia Việt Nam được thành lập và hoạt động độc lập tương đối trong hệ thống tài chính, thực hiện chức năng: Phát hành giấy bạc ngân hàng, thu hồi giấy bạc tài chính; Thực hiện quản lý Kho bạc Nhà nước góp phần tăng thu, tiết kiệm chi, thống nhất quản lý thu chi ngân sách; Phát triển tín dụng ngân hàng phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hoá.

Thời kỳ 1955 - 1975: Trong thời kỳ này, Ngân hàng Quốc gia đã thực hiện những nhiệm vụ cơ bản gồm: Củng cố thị trường tiền tệ, giữ cho tiền tệ ổn định, góp phần bình ổn vật giá, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc khôi phục kinh tế; Phát triển công tác tín dụng nhằm phát triển sản xuất lương thực, đẩy mạnh khôi phục và phát triển nông, công, thương nghiệp. Trong giai đoạn có hai ngân hàng chuyên doanh được thành lập đó là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam (1957), nay là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (1963).

1.1.3. Hệ thống ngân hàng ở miền Nam giai đoạn 1954-1975⁵

Sau Hiệp định Geneve, chính phủ Pháp ký một loạt hiệp định với Nam Việt Nam, Campuchia và Lào, chính thức công bố sự phá vỡ tình trạng hợp nhất tiền tệ và quan thuế giữa ba nước Đông

⁴ Phần này được tham khảo chủ yếu từ nội dung giới thiệu lịch sử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên trang web: <http://www.sbv.gov.vn/gioithieu.asp>

⁵ Phần này được tham khảo chủ yếu từ nội dung bài viết tổng quan về thành phố Hồ Chí Minh trên trang web: www.saiгонnet.vn/dulich/saiгон/tongquan/kinhte.htm

Dương, giải thể các định chế bốn bên do Pháp khống chế, khẳng định nguyên tắc mỗi quốc gia được quyền tự do phát hành và kiểm soát tiền tệ, ấn định hối suất, độc lập đề ra các chính sách tiền tệ, ngoại hối và ngoại thương. Và từ đó, cùng với chủ quyền về chính trị, người Việt Nam bắt đầu làm chủ về hoạt động ngân hàng và phát triển nó trên qui mô nhà nước, trực tiếp ảnh hưởng đến các giới kinh doanh, dần dần thay thế vai trò hệ thống ngân hàng thuộc địa cũ. Có thể phân sự phát triển của ngành ngân hàng miền Nam Việt Nam thành các giai đoạn như sau:

- *Giai đoạn từ 1954-1964:* Ngày 31-12-1954, với dụ số 48 của Bảo Đại, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập, thay thế viện phát hành Đông Dương, chính thức phát hành giấy bạc cho cả miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, ảnh hưởng của hệ thống ngân hàng Pháp vẫn còn đè nặng trên những hoạt động kinh tế của Sài Gòn. Theo thói quen dân chúng và giới kinh doanh vẫn ưa chuộng các ngân hàng Pháp còn hoạt động: Vẫn thích ký thác tiền và sử dụng những dịch vụ của ngân hàng này. Giới kinh doanh người Hoa, do những quan hệ thị trường với Hong Kong, Đài Loan, Malaysia và Singapore, vẫn tiếp tục sử dụng các ngân hàng Anh, Hong Kong, Đài Loan. Những quyền lợi kinh tế của người Pháp ở miền Nam vẫn còn nhiều và hoạt động về ngân hàng của họ cũng khá mạnh. Vào cuối năm 1953, khi Ngân hàng Đông Dương chấm dứt các hoạt động thương mại của nó thì một phần nhiệm vụ của nó được chuyển qua Ngân hàng Việt Nam Thương tín và một phần được chuyển qua Ngân hàng kế nghiệp của người Pháp ở miền Nam là Pháp Á ngân hàng- ngân hàng tư lớn nhất hoạt động trong thời kỳ này, qui tụ giới tư bản kinh doanh của Pháp đang tiếp tục kinh doanh khai thác các đồn điền cao su, cà phê, trà và các nhà kinh doanh công nghiệp của các hãng Dumarest, Oligastre, Alcan et Cie Denis Freres, BGI, Mitac, Caric... Ngoài ra còn có các Ngân hàng của một số nước khác như Bangkok bank, thiết lập 1961, The Bank of Tokyo, thiết lập năm 1962.
- *Giai đoạn 1965-1975:* Những chuyển biến hoạt động ngân hàng từ 1954 đến 1964 đã tạo tiền đề và điều kiện cho một giai đoạn phát triển rầm rộ từ năm 1965 đến năm 1972 của các ngân hàng thương mại ở Miền Nam Việt Nam. Trong 7 năm đầu của giai đoạn này, 18 ngân hàng mới được thành lập, nâng tổng số lên đến 31 ngân hàng với 178 chi nhánh ở các tỉnh vào năm 1972. Tính theo số dân khoảng 19 triệu lúc đó thì bình quân ở Miền Nam mỗi chi nhánh ngân hàng phục vụ cho 100.000 dân, một con số không thua kém tỉ lệ ở các nước đang phát triển ở Đông Nam Á. Tính đến trước tháng 04/1975, hệ thống ngân hàng ở Miền Nam bao gồm hai loại: ngân hàng trung ương và các ngân hàng khác. Ngân hàng trung ương thuộc nhà nước, còn các ngân hàng khác, tùy theo nguồn vốn, có thể phân biệt nhóm ngân hàng của Chính phủ và nhóm ngân hàng tư nhân. Tổng số lên đến 32 ngân hàng thương mại với 180 chi nhánh, 2 ngân hàng phát triển và 60 ngân hàng nông thôn xuất phát từ hệ thống này được thành lập tới cấp quận tại các tỉnh miền Nam.

1.1.4. Hệ thống ngân hàng Việt Nam từ năm 1975-nay⁶

Với những đặc thù riêng của thời kỳ này, quá trình phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam từ năm 1975 đến nay có thể được chia thành các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1975-1985: Sau năm 1975, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam ở miền Nam đã được quốc hữu hoá và sáp nhập vào hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cùng thực hiện nhiệm vụ

⁶ Phần này được tham khảo chủ yếu từ nội dung giới thiệu lịch sử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên trang web: www.sbv.gov.vn/gioithieu.asp.

thống nhất tiền tệ trong cả nước, phát hành các loại tiền mới, thu hồi các loại tiền cũ ở cả hai miền Nam - Bắc vào năm 1978. Đến cuối những năm 80, hệ thống Ngân hàng Nhà nước về cơ bản vẫn hoạt động như là một công cụ ngân sách, chưa thực hiện các hoạt động kinh doanh tiền tệ theo nguyên tắc thị trường. Sự thay đổi về chất trong hoạt động của hệ thống ngân hàng - chuyển dần sang hoạt động theo cơ chế thị trường chỉ được bắt đầu khởi xướng từ cuối những năm 80, và kéo dài cho tới ngày nay.

Từ năm 1986 đến năm 1990: Thực hiện tách dần chức năng quản lý Nhà nước ra khỏi chức năng kinh doanh tiền tệ, tín dụng, chuyển hoạt động ngân hàng sang hạch toán, kinh doanh. Trong giai đoạn này có một sự kiện tác động không tốt đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam (đây cũng có thể là một bài học đắt giá nhưng rất hữu ích cho việc phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam sau này), đó là sự đổ bể của hệ thống các quỹ tín dụng. Chính bài học từ sự kiện này cộng với những yêu cầu về đổi mới hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam, tháng 5/1990, hai pháp lệnh Ngân hàng ra đời (Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính) đã chính thức chuyển cơ chế hoạt động của hệ thống Ngân hàng Việt Nam từ 1 cấp sang 2 cấp - Trong đó lần đầu tiên đối tượng nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động của mỗi cấp được luật pháp phân biệt rạch ròi:

- Ngân hàng Nhà nước thực thi nhiệm vụ Quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng, thanh toán, ngoại hối và ngân hàng; Thực thi nhiệm vụ của một Ngân hàng Trung ương - là ngân hàng duy nhất được phát hành tiền; Là ngân hàng của các ngân hàng và là Ngân hàng của Nhà nước; NHTW là cơ quan tổ chức việc điều hành chính sách tiền tệ, lấy nhiệm vụ giữ ổn định giá trị đồng tiền làm mục tiêu chủ yếu và chi phối căn bản các chính sách điều hành cụ thể đối với hệ thống các ngân hàng cấp 2.
- Cấp Ngân hàng kinh doanh thuộc lĩnh vực lưu thông tiền tệ, tín dụng, thanh toán, ngoại hối và dịch vụ ngân hàng trong toàn nền kinh tế quốc dân do các Định chế tài chính Ngân hàng và phi ngân hàng thực hiện.
- Cùng với quá trình đổi mới cơ chế vận hành trong hệ thống ngân hàng là quá trình ra đời hàng loạt các ngân hàng chuyên doanh cấp 2 với các loại hình sở hữu khác nhau gồm Ngân hàng thương mại quốc doanh, cổ phần, Ngân hàng liên doanh, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của ngân hàng nước ngoài, Hợp tác xã tín dụng, Quỹ tín dụng nhân dân, công ty tài chính... Trong thời gian này, 4 ngân hàng thương mại quốc doanh lớn đã được thành lập gồm: Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam; Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam; Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng ngoại thương Việt Nam. Trong đó, Ngân hàng Công thương Việt Nam được thành lập mới, ba ngân hàng còn lại đã được thành lập từ trước đó, trong giai đoạn này chỉ cơ cấu và chuyển đổi chức năng hoạt động.

Từ năm 1991 đến nay: Đây là giai đoạn hệ thống ngân hàng Việt Nam có rất nhiều chuyển biến dần theo hướng một hệ thống ngân hàng hai cấp hiện đại qua các cột mốc chính sau:

- Từ năm 1991, khi Pháp lệnh Ngân hàng có hiệu lực, các chi nhánh, văn phòng đại diện của các ngân hàng nước ngoài bắt đầu được phép thành lập tại Việt Nam. Trong giai đoạn này, 4 ngân hàng liên doanh của 4 ngân hàng thương mại quốc doanh với các ngân hàng nước ngoài được thành lập ở Việt Nam. Các ngân hàng thương mại cổ phần bắt đầu được thành lập.

- Năm 1993: Bình thường hoá các mối quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế (IMF, WB, ADB)
- Năm 1995: Quốc hội thông qua nghị quyết bỏ thuế doanh thu đối với hoạt động ngân hàng; thành lập ngân hàng phục vụ người nghèo.
- Năm 1997: Quốc hội khoá X thông qua Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng (ngày 2/12/1997) và có hiệu lực thi hành từ 1/10/1998; Thành lập Ngân hàng phát triển Nhà Đồng bằng Sông cửu long (Quyết định số 769/TTg, ngày 18/9/1997). Đây cũng chính là năm xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính ở Đông á. Và điều này đã tác động tiêu cực đến hệ thống ngân hàng Việt Nam, sau giai đoạn này, một số ngân hàng cổ phần hoạt động yếu kém được xấp xếp lại. Từ hơn 50 ngân hàng thương mại cổ phần, đến cuối năm 2004 chỉ còn lại 37 ngân hàng.
- Năm 1999: Thành lập Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (ngày 9/11/1999).
- Năm 2000: Cơ cấu lại tài chính và hoạt động của các Ngân hàng thương mại Nhà nước và cơ cấu lại tài chính và hoạt động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần. Trong đó có thêm một sự kiện đáng chú ý là việc thành lập các công ty quản lý tài sản tại các ngân hàng thương mại.
- Năm 2001: Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết. Trong hiệp định này, Việt Nam đã cam kết mở cửa thị trường tài chính ngân hàng theo một lộ trình nhất định.
- Năm 2002: Tự do hoá lãi suất cho vay VND của các tổ chức tín dụng - Bước cuối cùng tự do hoá hoàn toàn lãi suất thị trường tín dụng ở cả đầu vào và đầu ra.
- Năm 2003: Tiến hành cơ cấu lại theo chiều sâu hoạt động phù hợp với chuẩn quốc tế đối với các Ngân hàng thương mại; Thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội trên cơ sở Ngân hàng phục vụ người nghèo để tiến tới tách bạch tín dụng chính sách với tín dụng thương mại theo cơ chế thị trường; Tiến hành sửa bước 1 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Năm 2004: Sửa đổi Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Trong giai đoạn này, có một sự kiện rất quan trọng ảnh hưởng đến hệ thống ngân hàng Việt Nam nói riêng, hệ thống tài chính nói chung, đó là Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được ký kết. Theo hiệp định này, Thị trường tài chính ngân hàng Việt Nam từng bước được mở cho các doanh nghiệp của Hoa Kỳ và đến năm 2010, các tổ chức tài chính của Hoa Kỳ được đối xử bình đẳng như các tổ chức tài chính của Việt Nam. Đây là điều kiện tốt để thị trường tài chính Việt Nam phát triển, nhưng cũng là một thách thức rất lớn cho các tổ chức tài chính trong nước, nhất là các ngân hàng thương mại.

1.2. Quá trình phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam⁷

Song song với những đổi mới về hoạt động ngân hàng, những ý tưởng về việc hình thành một thị trường chứng khoán tại Việt Nam đã bắt đầu được triển khai. Quá trình hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam có thể hình dung theo những mốc chính sau:

Thành lập ban nghiên cứu và phát triển thị trường vốn (1993): Một trong những bước đi đầu tiên có ý nghĩa khởi đầu cho việc xây dựng thị trường chứng khoán (TTCK) ở Việt Nam là việc thành lập Ban Nghiên cứu xây dựng và phát triển thị trường vốn thuộc Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 207/QĐ-TCCB ngày 6/11/1993 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước) với nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng đề án và chuẩn bị các điều kiện để thành lập TTCK theo bước đi thích hợp.

Thành lập uỷ ban chứng khoán nhà nước (1996): Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước được thành lập ngày 28/11/1996 theo Nghị định số 75/CP của Chính phủ, là cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng tổ chức và quản lý Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc thành lập cơ quan quản lý thị trường chứng khoán trước khi thị trường ra đời là bước đi phù hợp với chủ trương xây dựng và phát triển TTCK ở Việt Nam, có ý nghĩa quyết định cho sự ra đời của TTCK sau đó hơn 3 năm.

Khai trương trung tâm giao dịch chứng khoán (2000): Kể từ khi thành lập Uỷ ban chứng khoán nhà nước và có kế hoạch thành lập ngay trung tâm giao dịch chứng khoán. Nhưng do quá trình chuẩn bị các điều kiện cần thiết bị kéo dài và tác động của cuộc khủng hoảng tài chính trong khu vực năm 1997, mặc dù được thành lập theo Quyết định số 127/1998/QĐ-TTg ngày 11/07/1998, nhưng sau 4 năm, ngày 28/07/2000, Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chính thức được đưa vào hoạt động với hai Công ty niêm yết đầu tiên và Công ty cổ phần cơ điện lạnh (REE) và Công ty vật liệu Viễn thông (SACOM). Sau gần 5 năm hoạt động, trên thị trường có cổ phiếu của 26 công ty, 120 loại trái phiếu. Trong đó chủ yếu là trái phiếu Chính phủ. Chỉ có một loại trái phiếu công ty được niêm yết trên thị trường là trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Đưa Uỷ ban chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ tài chính (2004): Qua hơn 5 năm hoạt động, Uỷ ban chứng khoán Nhà nước đã thực thi chức năng, nhiệm vụ đạt được nhiều kết quả, thể hiện vai trò là người tổ chức và vận hành Thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, để triển khai có hiệu quả hơn nhiệm vụ điều phối hoạt động của các Bộ ngành chức năng trong việc thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển, ngày 19 tháng 02 năm 2004 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 66/2004/NĐ-CP chuyển Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước vào Bộ Tài chính.

1.3. Quá trình phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam⁸

Ở Việt Nam, bảo hiểm xuất hiện từ bao giờ? Không có tài liệu nào chứng minh một cách chính xác mà chỉ phỏng đoán vào năm 1880 có các Hội bảo hiểm ngoại quốc như Hội bảo hiểm Anh, Pháp, Thụy sĩ, Hoa kỳ... đã để ý đến Đông Dương. Các Hội bảo hiểm ngoại quốc đại diện tại

⁷ Phần này trình bày vắn tắt sự phát triển của TTCK Việt Nam cho đến năm 2004. Các phát triển mới của TTCK sẽ được thảo luận chi tiết trong các bài giảng tương ứng. Nguồn tham khảo chính của phần này là từ trang web của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước: www.ssc.gov.vn/ssc/Detail.aspx?tabid=582

⁸ Phần này được tham khảo chủ yếu từ nội dung giới thiệu lịch sử của ngành bảo hiểm trên trang web: www.baoviet.com.vn/default.asp

Việt Nam bởi các Công ty thương mại lớn, ngoài việc buôn bán, các Công ty này mở thêm một Trụ sở để làm đại diện bảo hiểm. Vào năm 1926, Chi nhánh đầu tiên là của Công ty Franco-Asietique. Đến năm 1929 mới có Công ty Việt Nam đặt trụ sở tại Sài Gòn, đó là *Việt Nam Bảo hiểm Công ty*, nhưng chỉ hoạt động về bảo hiểm xe ô tô. Từ năm 1952 về sau, hoạt động bảo hiểm mới được mở rộng dưới những hình thức phong phú với sự hoạt động của nhiều Công ty bảo hiểm trong nước và ngoại quốc.

Ở Miền Bắc, ngày 15/01/1965 Công ty Bảo hiểm Việt Nam (gọi tắt là Bảo Việt) mới chính thức đi vào hoạt động. Trong những năm đầu, Bảo Việt chỉ tiến hành các nghiệp vụ về hàng hải như bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, bảo hiểm tàu biển dương.... Kể từ thời điểm đó, ở Việt Nam chỉ có một mình Bảo Việt hoạt động cho đến năm 1998.

Tháng 6/1998, Việt Nam đã cho phép thành lập Công ty Cổ phần bảo hiểm Bưu điện nhằm mở rộng sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong lĩnh vực bảo hiểm. Trong năm 1999, Việt Nam đã mở rộng việc cấp giấy phép hoạt động kinh doanh bảo hiểm cho 2 công ty liên doanh là Công ty liên doanh bảo hiểm Việt-úc (BIDV-QBE) và Công ty Bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh CGM; và 4 công ty 100% vốn nước ngoài là: Công ty Bảo hiểm Allianz/AGP, Công ty Bảo hiểm Chinfon-Manulife, Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Prudential và Công ty Bảo hiểm nhân thọ quốc tế Mỹ (AIG)⁹.

Kể từ khi các công ty bảo hiểm nước ngoài được cấp phép thành lập tại Việt Nam, hoạt động trên thị trường bảo hiểm Việt Nam, nhất là bảo hiểm nhân thọ bắt đầu sôi động với sự phát triển rất nhanh của các công ty bảo hiểm nước ngoài như: Prudential, Manulife, AIA... Đến cuối năm 2004, trên thị trường bảo hiểm nhân thọ, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm hơn 60% thị phần, trong đó riêng Prudential chiếm đến 38%¹⁰ tổng thị phần bảo hiểm nhân thọ.

2. Bốn thành tố chính của hệ thống tài chính Việt Nam hiện nay

Sau khi tìm hiểu một cách tổng quát nhất về lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống tài chính Việt Nam, nhóm của ông Cải Cách tiếp tục xem xét cấu trúc của hệ thống tài chính với bốn thành tố chính là: Thị trường tài chính, các tổ chức tài chính, các công cụ tài chính và cơ sở hạ tầng tài chính.

2.1. Thị trường tài chính

Có rất nhiều cách chia thị trường tài chính khác nhau. Các thuật ngữ về thị trường tài chính hay được dùng ở Việt Nam ở thời điểm hiện tại gồm: thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối. Sau đây là một số cách chia khác nhau.

Dựa vào thời hạn của tín dụng, thị trường tài chính được chia làm hai loại là thị trường tiền tệ (nơi giao dịch các công cụ tài chính có thời hạn dưới 1 năm) và thị trường vốn (nơi giao dịch các công cụ tài chính có thời hạn trên 1 năm). Ở các nền kinh tế phát triển nói chung, thị trường tiền tệ thường do các ngân hàng thực hiện. Đối với nhu cầu vốn trung dài hạn chủ yếu thực hiện theo hình thức trực tiếp trên thị trường chứng khoán. Ngược lại, đối với Việt Nam có đặc thù riêng, hầu hết vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều do các ngân hàng thương mại cung cấp, các loại thị trường khác đang có quy mô rất nhỏ. Hay nói cách khác, ở Việt Nam, việc huy động và phân

⁹ <http://www.mof.gov.vn/apec/viet/IAP%20cua%20BTC%202000%20V.doc>

¹⁰ Thị trường bảo hiểm Việt nam năm 2004, Lan Hương, <http://baohiemvn.net>

bổ vốn chủ yếu thực hiện qua các trung gian tài chính, trong đó các ngân hàng thương mại đóng vai trò chính.

Dựa trên loại tín dụng, hiện Việt Nam cũng đã có thị trường tín phiếu, thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu; thị trường vay nợ ngân hàng. Như trên đã nói, thị trường vay nợ ngân hàng là chủ yếu.

Thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp: Việt Nam cũng đã có thị trường sơ cấp là nơi phát hành chứng khoán lần đầu tiên. Trên thị trường này, khi phát hành chứng khoán, thường do một công ty chứng khoán làm các thủ tục, tư vấn và một công ty chứng khoán khác bảo lãnh phát hành. Trên thị trường thứ cấp, hiện có 26 loại cổ phiếu, một chứng chỉ của quỹ đầu tư VF1, các loại trái phiếu chính phủ và trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được giao dịch.

Thị trường tập trung và thị trường phi tập trung: Ở Việt Nam, số lượng các doanh nghiệp giao dịch trên thị trường tập trung là rất ít, trong khi các giao dịch trên thị trường phi tập trung là chủ yếu.

Thị trường chính thức và phi chính thức: Ngoài thị trường tài chính chính thức, nơi mà các ngân hàng, các công ty tài chính, các công ty chứng khoán ... hoạt động, ở Việt Nam còn có thị trường phi chính thức là các hợp tác xã tín dụng, các tổ chức tín dụng vi mô ở nông thôn, hội ... hoạt động. Các loại hình tín dụng phi chính thức này đóng một vai trò đáng kể trong phát triển kinh tế xã hội Việt Nam.

2.2. Các tổ chức tài chính

Ở thời điểm cuối năm 2004, xét về quy mô của các tổ chức tài chính Việt Nam (chưa kể Quỹ hỗ trợ phát triển và Bảo hiểm xã hội) thì tổng vốn mà các tổ chức này cung ứng ra nền kinh tế hoặc huy động từ nền kinh tế đạt khoảng 450.000 tỷ đồng, xấp xỉ 70% GDP. Trong đó, tổng dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng là 380.000 tỷ đồng, chiếm 85%; tổng số vốn trên thị trường chứng khoán là 27.000 tỷ đồng, chiếm 6%; huy động của Tiết kiệm bưu điện là 30.000 tỷ đồng, chiếm 6,7%; thu phí bảo hiểm đạt khoảng 15.000 tỷ đồng, chiếm 3%¹¹.

Trong các giáo trình, thường chia các tổ chức tài chính làm hai loại tổ chức tài chính ngân hàng và tổ chức tài chính phi ngân hàng. Tuy nhiên, cách phân loại này chủ yếu tập trung vào các tổ chức tài chính hoạt động kinh doanh mà ít đề cập đến các nhà tạo lập thị trường. Vì vậy, căn cứ vào thực tiễn ở Việt Nam, bài viết chia ra các tổ chức tài chính hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính hoạt động trên thị trường chứng khoán, các công ty bảo hiểm hoạt động theo Luật bảo hiểm và một số loại hình tổ chức tài chính khác.

¹¹ Để có thể xem xét một cách tổng quan hệ thống tài chính Việt nam, trong tình huống nghiên cứu này đã cộng dồn tất cả các chỉ tiêu cơ bản của từng loại hình tổ chức tài chính. Tổng số vốn cung ứng cho nền kinh tế của các tổ chức nêu trên có thể nhỏ hơn vì số thu phí bảo hiểm thường đầu tư vào mua trái phiếu hoặc gửi tại các ngân hàng. Ngoài ra, ở Việt nam có một đặc trưng là Kho bạc nhà nước thay vì theo thông lệ phải gửi vốn nhàn rỗi tại Ngân hàng Nhà nước thì có thể gửi tại một số ngân hàng thương mại. Khối lượng tồn ngân trong tổng số thu chi ngân sách nhà nước hàng năm trên 100.000 là rất lớn. Đây cũng là một nguồn vốn đáng kể cho các ngân hàng thương mại. Các số liệu trong tình huống nghiên cứu này người viết căn cứ vào số liệu công bố chính thức trên trang web của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (www.sbv.gov.vn), Bộ Tài Chính (www.mof.gov.vn), Ủy ban chứng khoán Nhà nước (www.mof.ssc.vn), Công ty tiết kiệm bưu điện (www.vpsc.com.vn), Tổng công ty bảo hiểm Việt nam (www.baoviet.com.vn), mạng bảo hiểm Việt Nam (www.baohiemvn.net) và các nguồn khác...

2.2.1. Ngân hàng Trung ương và các tổ chức tín dụng

2.2.1.1. Ngân hàng Trung ương

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Nhà nước) là cơ quan của Chính phủ và là ngân hàng trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng; là ngân hàng phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và ngân hàng làm dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Hoạt động của Ngân hàng Nhà nước nhằm ổn định giá trị đồng tiền, góp phần bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các tổ chức tín dụng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ngân hàng Nhà nước là một pháp nhân, có vốn pháp định thuộc sở hữu nhà nước; có trụ sở chính tại Thủ đô Hà Nội.

2.2.1.2. Các tổ chức tín dụng

Trước khi xem xét các loại hình tổ chức tín dụng thực tế tại Việt Nam, chúng ta cùng tìm hiểu các định nghĩa trong Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam về các tổ chức tín dụng năm 1997 và được sửa đổi vào năm 2004:

- Tổ chức tín dụng là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật để hoạt động ngân hàng.
- Ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan. Theo tính chất và mục tiêu hoạt động, các loại hình ngân hàng gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, ngân hàng đầu tư, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác và các loại hình ngân hàng khác.
- Tổ chức tín dụng phi ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện một số hoạt động ngân hàng như là nội dung kinh doanh thường xuyên, nhưng không được nhận tiền gửi không kỳ hạn, không làm dịch vụ thanh toán. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.
- Tổ chức tín dụng nước ngoài là tổ chức tín dụng được thành lập theo pháp luật nước ngoài.
- Tổ chức tín dụng hợp tác là tổ chức kinh doanh tiền tệ và làm dịch vụ ngân hàng, do các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập để hoạt động ngân hàng nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống. Tổ chức tín dụng hợp tác gồm ngân hàng hợp tác, quỹ tín dụng nhân dân và các hình thức khác.
- Các loại hình tổ chức tín dụng (theo sở hữu): Tổ chức tín dụng được thành lập theo pháp luật Việt Nam bao gồm tổ chức tín dụng nhà nước, tổ chức tín dụng cổ phần, tổ chức tín dụng hợp tác, tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài. Ngoài ra còn có chi nhánh, văn phòng đại diện của ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Các ngân hàng thương mại: Hiện ở Việt Nam có 5 ngân hàng thương mại quốc doanh chiếm hơn 70% thị phần tín dụng và huy động vốn; 37 ngân hàng cổ phần đô thị và nông thôn, chiếm 11% thị phần tín dụng và huy động vốn; 27 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 4 ngân hàng liên doanh chiếm 12% thị phần huy động vốn và tín dụng.

Ngân hàng chính sách xã hội: Hiện có một ngân hàng chính sách xã hội thực hiện việc cấp tín dụng cho các đối tượng chính sách. Tiền thân của ngân hàng này là Ngân hàng phục vụ người nghèo thành lập năm 1995.

Các công ty tài chính: Hiện có 5 công ty tài chính trực thuộc các tổng công ty lớn. Các công ty tài chính này chủ yếu là dần xếp tài chính cho tổng công ty mà nó trực thuộc. Ngoài ra trước năm 2003 còn có Công ty tài chính Sài Gòn là một đơn vị độc lập không thuộc bất kỳ một tổng công ty nào. Nhưng do những hạn chế của mô hình này hiện đã chuyển thành Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á.

Các công ty cho thuê tài chính: Hiện có 9 công ty cho thuê tài chính, trong đó có 3 liên doanh. Sáu công ty còn lại trực thuộc 4 ngân hàng thương mại quốc doanh. Trong đó, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có 2 công ty. Nhìn chung hoạt động thuê mua tài chính còn nhiều hạn chế. Tổng số cho thuê của các công ty này có một phần không nhỏ là tài sản của các ngân hàng mẹ thuê.

Các quỹ tín dụng: có hai loại hình quỹ tín dụng là quỹ tín dụng trung ương và quỹ tín dụng khu vực. Tổng số các hợp tác xã tín dụng là 898 và chiếm 1,5% thị phần huy động vốn và cho vay.

Ngoài ra còn một số loại hình tổ chức tài chính khác hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng là các công ty quản lý tài sản, các tổ chức cầm đồ...

Tất cả các tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng và chịu sự quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tổng dư nợ cho vay của hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam đạt gần 380.000 tỷ, xấp xỉ 60% GDP. Tổng vốn điều lệ của các tổ chức tín dụng Việt Nam khoảng 33.500 tỷ đồng.

2.2.2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các tổ chức hoạt động trên TTCK

Ủy ban chứng khoán nhà nước: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi mới thành lập là cơ quan trực thuộc Chính phủ, năm 2004 chuyển thành cơ quan trực thuộc Bộ tài chính. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có nhiệm vụ chính trong việc tổ chức và giám sát các hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các công ty chứng khoán: Hiện có 13 công ty chứng khoán hoạt động với chức năng là các tổ chức môi giới trên thị trường chứng khoán như lập các thủ tục phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán ...

Ngân hàng chỉ định thanh toán: Trên thị trường có 1 ngân hàng chỉ định thanh toán là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Ngân hàng lưu ký chứng khoán: Hiện có 5 ngân hàng lưu ký chứng khoán.

Công ty quản lý quỹ đầu tư: Hiện tại có 1 công ty quản lý quỹ đầu tư đang quản lý quỹ VF1.

Các công ty niêm yết: Hiện có 26 công ty niêm yết trên thị trường. Các công ty này chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá.

Tổng số vốn giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần 27.000 tỷ đồng, bằng 4% GDP. Trong đó, giá trị cổ phiếu bằng 3.195 tỷ đồng, chiếm 12% tổng giá trị thị trường, bằng 0,5% GDP.

Ngoài ra còn có một số quỹ đầu tư đóng vai trò đáng kể trên thị trường chứng khoán nói riêng, thị trường tài chính nói chung là Dragon Capital, Mekong Capital, Vinacapital, Indochina Capital, Quỹ đầu tư mạo hiểm của tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG) và một số công ty quản lý quỹ như Công ty quản lý quỹ đầu tư Việt Nam, Công ty quản lý quỹ Thành Việt, Công ty quản lý quỹ Manulife và Công ty quản lý quỹ Frudential, Finansa, FFX Vietnam. Các quỹ đầu tư này vừa tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán, vừa đầu tư trực tiếp vào các doanh nghiệp.

2.2.3. Các công ty bảo hiểm

Các công ty bảo hiểm: Hiện có khoảng 24 công ty bảo hiểm đang hoạt động tại Việt Nam với tổng vốn điều lệ gần 5.000 tỷ đồng. Trong đó có 4 doanh nghiệp nhà nước, 7 công ty bảo hiểm cổ phần, 7 công ty bảo hiểm liên doanh và 6 doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt) chiếm thị phần chủ yếu. Trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, ba doanh nghiệp có thị phần lớn nhất là Bảo Việt, Prudential và AIA. Các công ty bảo hiểm hoạt động theo Luật bảo hiểm và chịu sự quản lý của Bộ Tài chính.

Quy mô thị trường: Tổng số thu phí bảo hiểm năm 2004 gần 12.500 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ bảo hiểm nhân thọ chiếm khoảng 2/3 tổng số doanh thu của bảo hiểm. Doanh thu của các doanh nghiệp bảo hiểm chủ yếu tập trung đầu tư vào trái phiếu và gửi tại các ngân hàng thương mại.

2.2.4. Một số loại hình tổ chức tài chính khác

Quỹ lương hưu: hiện Việt Nam chưa có quỹ lương hưu, nhưng có một quỹ rất lớn đó là bảo hiểm xã hội Việt Nam. Phần thặng dư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ yếu chuyển sang Quỹ Hỗ trợ phát triển.

Tiết kiệm bưu điện: Đây là tổ chức thực hiện các loại hình huy động tiết kiệm nhỏ lẻ dựa trên hệ thống bưu cục rộng khắp của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Tổng số vốn Tiết kiệm bưu điện huy động được gần 30.000 tỷ đồng. Phân huy động này chủ yếu chuyển giao sang cho Quỹ hỗ trợ Phát triển.

Quỹ hỗ trợ phát triển và các quỹ đầu tư phát triển của các tỉnh, thành phố: Quỹ hỗ trợ phát triển là tổ chức cấp tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước (tín dụng chỉ định) cho các dự án. Quỹ này trực thuộc Bộ tài chính. Các quỹ đầu tư phát triển địa phương trực thuộc các uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố. Các quỹ này có nhiệm vụ cho vay các dự án theo định hướng phát triển của từng địa phương. Quỹ hỗ trợ phát triển và các quỹ đầu tư phát triển của các địa phương hoạt động không chịu sự chi phối của Luật các tổ chức tín dụng và không chịu sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

2.3. Các công cụ tài chính

Trong các giáo trình thường chia các công cụ tài chính trên thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối, công cụ tài chính phái sinh ... Việc chia này cũng có tính chất tương đối vì nhiều loại công cụ tài chính được giao dịch trên nhiều thị trường khác nhau. Ví dụ: các loại công cụ tài chính phái sinh có thể được giao dịch trên thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị ngoại hối, thị trường nông sản... hay ở Việt Nam, trái phiếu chính phủ vẫn có thể giao dịch trên thị trường tiền tệ,..

Hiện tại trên thị trường tài chính Việt Nam có các loại công cụ tài chính sau:

Các khoản cho vay của các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác: Phần này chiếm tỷ trọng chủ yếu trong việc phân phối vốn cho nền kinh tế.

Trái phiếu chính phủ: Tổng giá trị trái phiếu chính phủ giao dịch trên thị trường chứng khoán là 24.000 tỷ đồng. Ngoài ra trái phiếu chính phủ còn được phát hành thông qua hệ thống các kho bạc nhà nước địa phương.

Tín phiếu kho bạc: Loại này do Kho bạc nhà nước phát hành và được đấu giá chủ yếu thông qua thị trường mở của Ngân hàng nhà nước. Đây là một công cụ huy động nguồn vốn cho chi tiêu ngân sách rất quan trọng của chính phủ.

Trái phiếu đô thị: Do các chính quyền địa phương (tỉnh, thành phố) phát hành. Hiện tại mới có thành phố Hồ Chí Minh phát hành loại trái phiếu này. Các địa phương khác thích dùng tín dụng qua ngân hàng hơn.

Trái phiếu công ty: Loại này tương đối ít, chủ yếu do các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính phát hành. Hiện nay có hai loại trái phiếu đang được giao dịch tương đối phổ biến trên thị trường là trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Trái phiếu của Tổng công ty dầu khí Việt Nam.

Chứng chỉ tiền gửi: Theo phân loại trong các giáo trình thì chứng chỉ tiền gửi là công cụ tài chính của thị trường tiền tệ, nhưng đặc trưng của Việt Nam, chứng chỉ tiền gửi là một loại giấy tờ có giá do các ngân hàng phát hành có thời hạn trên 1 năm với những đặc điểm tương tự như trái phiếu. Loại hình giấy tờ có giá do các ngân hàng thương mại phát hành có thời hạn dưới một năm được gọi là kỳ phiếu.

Cổ phiếu: Hiện ở Việt Nam đã có rất nhiều công ty cổ phần nên loại hình này tương đối phổ biến. Tuy nhiên mới chỉ có 26 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán, với tổng giá trị cổ phiếu chiếm khoảng 0,5% GDP. Đây là một con số rất khiêm tốn.

Hợp đồng mua lại chứng khoán: Hiện nay chưa có giao dịch chính thức.

Phiếu nợ thương mại (thương phiếu): Hiện đã có pháp lệnh về thương phiếu, nhưng hầu như chưa có doanh nghiệp nào phát hành thương phiếu.

Hối phiếu có ngân hàng chấp thuận: Hiện loại hình này thực hiện trong các giao dịch ngoại thương.

Vay liên ngân hàng: Đây là loại hình giao dịch rất phổ biến giữa các ngân hàng thương mại với nhau. Các loại hình cho vay phổ biến gồm, cho vay qua đêm, cho vay có kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng.

Euro Đô-la: Ở Việt Nam không có công cụ này.

Vay thế chấp mua bất động sản: Hiện ở Việt Nam đã có công cụ này và các ngân hàng thương mại cổ phần đi đầu trong việc cho vay theo phương thức này.

Các loại công cụ tài chính phái sinh

Hợp đồng kỳ hạn (Forward contract): Hiện trên thị trường Việt Nam có loại hình giao dịch này và chủ yếu là các hợp đồng mua bán ngoại tệ.

Hợp đồng tương lai (Future contract): Hiện ở Việt Nam chưa có.

Hoán đổi (Swap): Hiện ở Việt Nam đã có loại hình này, nhưng lượng giao dịch rất hạn chế. Các giao dịch chủ yếu được thực hiện trên thị trường ngoại hối. Các loại hình hoán đổi khác như lãi suất ... hầu như chưa xuất hiện.

Quyền chọn: Hiện một số ngân hàng Việt Nam đã có loại hình giao dịch này, nhưng khối lượng giao dịch là rất hạn chế. Chưa có tổ chức tài chính nào thực sự bán quyền chọn mà chỉ thực hiện dưới hình thức là các trung gian.

2.4. Cơ sở hạ tầng tài chính

Hệ thống luật pháp và quản lý của nhà nước: Tính đến thời điểm hiện tại, với bối cảnh và điều kiện thực tiễn ở Việt Nam thì hệ thống luật pháp được đánh giá là tương đối đầy đủ để hệ thống tài chính hoạt động. Hiện đã có Luật Ngân sách nhà nước, Luật Ngân hàng nhà nước, Luật các tổ chức tín dụng, Luật bảo hiểm. Dự kiến năm 2006 Luật chứng khoán sẽ ra đời (hiện tại văn bản cao nhất quy định về tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán là Nghị định của chính phủ). Tuy nhiên vấn đề quản lý nhà nước chưa thực sự đồng bộ và thống nhất. Một số tổ chức có quy mô hoạt động tín dụng rất lớn nhưng không chịu sự chi phối của Luật các tổ chức tín dụng và chịu sự giám sát của Ngân hàng nhà nước như Quỹ Hỗ trợ phát triển và các quỹ đầu tư phát triển địa phương. Tổng tài sản của Quỹ hỗ trợ phát triển có thể lớn hơn tổng tài sản của ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Nguồn lực và thông lệ giám sát: Theo đánh giá thì nguồn lực và các thông lệ giám sát chưa đáp ứng nhu cầu cho hệ thống tài chính hoạt động lành mạnh, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Cung cấp thông tin: Hiện nay các ngân hàng nói riêng, các tổ chức tài chính nói chung đang từng bước áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế. Các quy định về kiểm toán vẫn chưa thực sự đầy đủ và được tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Hiện vẫn chưa có hệ thống lưu trữ thông tin tín dụng và tổ chức xếp loại tín dụng đủ độ tin cậy. Hiện trung tâm thông tin tín dụng (CIC) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang đảm nhận nhiệm vụ này. Tuy nhiên để trở thành một tổ chức có độ tin cậy cao thì CIC còn rất nhiều việc phải làm.

Hệ thống thanh toán: Trước năm 2000, hầu hết các tổ chức tài chính ở Việt Nam sử dụng hệ thống thanh toán phân tán. Nhưng từ năm 2000 đến nay, các tổ chức tài chính, nhất là các ngân

hàng thương mại đã xây dựng hệ thống thanh toán tập trung. Từ năm 2002, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã triển khai hệ thống thanh toán liên ngân hàng. Đây là một bước tiến trong việc áp dụng công nghệ thanh toán của hệ thống tài chính Việt Nam. Khi tất cả các ngân hàng xây dựng xong hệ thống này thì công nghệ thanh toán của hệ thống tài chính Việt Nam là đảm bảo.

Với những nội dung nêu trên, nhóm của ông Cải Cách tạm thời kết thúc việc tìm hiểu về hệ thống tài chính Việt Nam. Trên cơ sở nhận dạng hệ thống tài chính Việt Nam kết hợp với những kiến thức và kinh nghiệm hiện có, nhóm của ông Cải Cách mong muốn có thể tư vấn cho phía Việt Nam những chính sách, giải pháp hữu hiệu nhất, nhằm cải cách, củng cố và phát triển hệ thống tài chính Việt Nam tương xứng với vai trò của nó trong phát triển kinh tế xã hội.

Câu hỏi gợi ý thảo luận?

1. Theo anh (chị) hệ thống tài chính Việt Nam có đầy đủ các thành phần của một hệ thống tài chính chuẩn không? Hãy liệt kê và vẽ sơ đồ khái quát hệ thống tài chính Việt Nam.
2. Anh (chị) hãy đánh giá vị trí, vai trò, tầm ảnh hưởng của từng khu vực (ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm ...) trong hệ thống tài chính Việt Nam?
3. Việt Nam cần phải làm gì để phát triển và nâng cao vai trò của hệ thống tài chính phục vụ tốt cho phát triển kinh tế.

HỆ THỐNG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (nguồn: www.sbv.gov.vn)

I	LOẠI HÌNH TỔ CHỨC TÍN DỤNG	TRỤ SỞ CHÍNH	ĐVT	VỐN ĐL
I	CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI QUỐC DOANH		Tỷ VNĐ	20,006
1	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	198 Trần Quang Khải - Hà Nội		2,429
2	Ngân hàng Công thương Việt Nam	108 Trần Hưng Đạo - Hà Nội		2,941
3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	Số 2 Láng Hạ - Hà Nội		5,190
4	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	194 Trần Quang Khải - Hà Nội		3,746
5	Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long	Số 9 Võ Văn Tần - Quận 3 - TP Hồ Chí Minh		700
6	Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam	Số 29 Nguyễn Đình Chiểu, Hà Nội		5,000
II	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔ THỊ		Tỷ VNĐ	4,213
1	Á Châu	442 Nguyễn Thị Minh Khai. Q3. TP HCM		481
2	Đông á	130 Phan Đăng Lưu. Q Phú Nhuận. TPHCM		253
3	Đông Nam á	15 Minh Khai. TP Hải Phòng		85
4	Đệ Nhất	715 Trần Hưng Đạo. Q5. TPHCM		98
5	Bắc á	117 Quang Trung. TP Vinh. Nghệ An		85
6	Gia Định	68 Bạch Đằng. Q Bình Thạnh. TP HCM		26
7	Hàng hải	5 Nguyễn Tri Phương. TP Hải Phòng		109
8	Kỹ Thương	15 Đào Duy Từ. Q Hoàn Kiếm. Hà Nội		202
9	Nam Đô	171 Hàm Nghi. Q1. TP HCM		27
10	Nam á	210 Lê Thánh. Q1. TP HCM		70
11	Ngoài quốc doanh	4 Dã Tượng. Q Hoàn Kiếm. Hà Nội		175
12	Nhà Hà Nội	B7 Giảng Võ. Q Ba Đình. Hà Nội		200
13	Phát triển Nhà TPHCM	33 Pasteur. Q1. TP HCM		70
14	Phương Đông	45 Lê Duẩn. Q1. TP HCM		137
15	Phương Nam	279 Lý Thường Kiệt. Q11. TP HCM		217
16	Quân Đội	28A Điện Biên Phủ. Q Ba Đình. Hà Nội		280
17	Quốc tế	64, 86 Lý Thường Kiệt. Hà Nội		175

I	LOẠI HÌNH TỔ CHỨC TÍN DỤNG	TRỤ SỞ CHÍNH	ĐVT	VỐN ĐL
18	Sài Gòn	426 Nguyễn Thị Minh Khai Q3 TPHCM		150
19	Sài gòn công thương	Số 2C Phó Đức Chính, Q1. TPHCM		250
20	Sài gòn thương tín	278 Nam kỳ khởi nghĩa. Q3. TPHCM		505
21	Tân Việt	340 Hoàng Văn Thụ. Q Tân Bình. TPHCM		70
22	Vũng Tàu	59 Trần Hưng Đạo. TP Vũng Tàu		58
23	Việt á	115 Nguyễn Công Trứ. Q1. TP HCM		115
24	Việt Hoa	203 Phùng Hưng. Q5. TPHCM		73
25	Xuất nhập khẩu	7 Lê Thị Hồng Gấm. Q1. TPHCM		300
III	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NÔNG THÔN		Tỷ VNĐ	164
1	Đại á	152, CMT8-Thành phố Biên Hoà-Tỉnh Đồng Nai		25
2	Đồng Tháp Mười	Thị trấn Mỹ Tho-Huyện Cao Lãnh-Tỉnh Đồng Tháp		5
3	An Bình	138, Hùng Vương-An Lạc- Bình Chánh- TP. HCM		36
4	Cờ Đỏ	Thị tứ Cờ đỏ-Huyện Ô Môn-Tỉnh Cần Thơ		30
5	Hải Hưng	Số 199-Nguyễn Lương Bằng - TP Hải Dương		5
6	Kiên Long	35-Phạm Hồng Thái –TX rạch giá-Tỉnh Kiên Giang		13
7	Mỹ Xuyên	248, Trần Hưng Đạo- Long Xuyên- Tỉnh An Giang		10
8	Nhơn Ái	138- Đường 3/2- Phường Hưng Lợi – TP Cần Thơ		12
9	Ninh Bình	339, Phố Lê Hồng Phong - Thị xã Ninh Bình		9
10	Rạch Kiên	Xã Long Hoà-Huyện Cần Đước-Tỉnh Long An		8
11	Sông Kiên	Xã Rạch Sỏi-Huyện Châu Thành-Tỉnh Kiên Giang		7
12	Tân Hiệp	Xã Thạnh Đông A-Huyện Tân Hiệp-Tỉnh Kiên Giang		5
IV	CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI		Triệu USD	438
1	ABN Amro Bank(Hà lan)	360 Kim Mã, Hà Nội		15
2	ANZ (Australia & New Zealand Banking Group) (Úc)	14 Lê Thái tổ Hà Nội		20
3	BANK OF CHINA (Trung Quốc)	115 Nguyễn Huệ, Q.1, TPHCM		15
4	BANK OF TOKYO MISUBISHI (Nhật)	5b Tôn Đức Thắng, Q.1, TPHCM		30
5	BANKOK BANK(Thái lan)	117 Nguyễn Huệ, Q.1, TPHCM		15
6	BNP (Banque Nationale de Paris) (Pháp)	8 Nguyễn Huệ, Q.1, TPHCM		15

I	LOẠI HÌNH TỔ CHỨC TÍN DỤNG	TRỤ SỞ CHÍNH	ĐVT	VỐN ĐL
7	CALYON (Pháp)	21-23 Nguyễn Thị Minh Khai, TPHCM		20
8	Chinatrust(Đài loan)	37 Tôn Đức Thắng Tp HCM		15
9	CHINFON COM. BANK (Đài loan)	14 Láng Hạ, Hà Nội		30
10	CITY BANK (Mỹ)	17 Ngô Quyền, Hà Nội		20
11	DEUSTCHE BANK (Đức)	65 Lê Lợi, Q.1, TPHCM		15
12	FENB (Mỹ)	Số 2A-4A, Tôn Đức Thắng, TP.HCM		15
13	First Commercial Bank (Đài loan)	88 Đồng Khởi, Q1, TP HCM		15
14	HONGKONG SHANGHAI BANKING CORPERATION (Anh)	235 Đồng khởi, Q.1, TPHCM		15
15	ICBC (International comercial corperation) (Đài loan)	5b Tôn Đức Thắng, Q.1, TPHCM		15
16	JP Morgan CHASE bank(Mỹ)	29 Lê Duẩn, Q.1, TPHCM		15
17	KOREA EXCHANGE BANK (KEB) (Hàn Quốc)	360 Kim Mã Hà nội		15
18	LAO-VIET BANK (Lào)	17 Hàn Thuyên, Hà Nội		3
19	MAY BANK (Malaysia)	63 Lý Thái Tổ, Hà Nội		15
20	Mizuho Corporate BANK(Nhật)	63 Lý Thái Tổ, Hà Nội		15
21	NATEXIS (Pháp)	11 C.T Mê Linh		15
22	OCBC (Singapore)(Keppel)	8 Hoàng Diệu, Vũng Tàu		15
23	SHINHAN BANK (Hàn Quốc)	41 Nguyễn thị Minh Khai, Q.1, TPHCM		15
24	STANDARD CHARTERED BANK (Anh)	49 Hai Bà Trưng, Hà Nội		15
25	UFJ (Nhật)	Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Q1, TP.HCM		15
26	UNITED OVERSEAS BANK (UOB)(Singapore)	17 Lê Duẩn, Q.1, TPHCM		15
27	WOORI BANK(Hàn Quốc) (Hanvit cũ)	360 Kim Mã, Hà Nội		15
V	CÁC NGÂN HÀNG LIÊN DOANH		Triệu USD	75
1	CHOHUNGVINA BANK	35 Hồ Tùng Mậu, Q.1, TPHCM		20
2	INDOVINA BANK	36 Tôn Thất Đạm, Q.1, TPHCM		20
3	VID PUBLIC BANK	2 Ngô Quyền, Hà Nội		20
4	VINASIAM	2 Phó Đức Chính, Q.1, TPHCM		15
VI	CÁC CÔNG TY TÀI CHÍNH		Tỷ VNĐ	260
1	Cty tài chính Bưu điện	62 Nguyễn Du, Hà Nội		70

I	LOẠI HÌNH TỔ CHỨC TÍN DỤNG	TRỤ SỞ CHÍNH	ĐVT	VỐN ĐL
2	Cty tài chính Cao su	210 Nam kỳ khởi nghĩa, Quận 3, TP HCM		60
3	Cty tài chính Dầu khí	72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội		100
4	Cty tài chính Dệt may	32 Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội		50
5	Cty tài chính Tàu thủy	120 Hàng Trống, Hà Nội		50
VII	CÁC CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH			
	VỐN TRONG NƯỚC		Tỷ VNĐ	582
1	Cty CTTC I - NH Nông nghiệp & PTNT	141, đường Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, Hà nội		150
2	Cty CTTC II - NH Nông nghiệp & PTNT	422 Trần Hưng Đạo, P2, Quận5, TPHCM		150
3	Cty CTTC NH Đầu tư và Phát triển VN	Tầng 3, Toà nhà Thăng Long, 105 Láng Hạ, Hà Nội		102
4	Cty CTTC NH Công thương VN	18 Phan Đình Phùng, Hà Nội		105
5	Cty CTTC NH Ngoại thương VN	10 Thiên Quang, Hà Nội		75
	NƯỚC NGOÀI, LIÊN DOANH		Triệu USD	20
1	Cty CTTC Quốc tế VN (VILC) (liên doanh)	Sài gòn Tower, 29 Lêduẩn, Q1,TPHCM		5
2	Cty CTTC ANZ-VTRAC (100% vốn nước ngoài)	14 Lê Thái Tổ, Hà Nội		5
3	Cty CTTC Kexim (KVLC) (100% vốn nước ngoài)	Tầng 9 Diamond Plaza, 34 Lê duẩn, Q1, TPHCM		10

Tổng vốn điều lệ bằng VNĐ	25,224
Tổng vốn điều lệ bằng USD	533
Tổng vốn điều lệ quy đổi ra VNĐ với tỷ giá 15.700 VNĐ/USD	33,584

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (nguồn: www.ssc.gov.vn)*Đvt: Triệu VND*

STT	Tên công ty	Website	Vốn điều lệ
I	Đơn vị quản lý		
1	Ủy ban chứng khoán nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính		
II	Công ty chứng khoán		
1	Công ty chứng khoán ACB		43,000
2	Công ty chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	www.bsc.com.vn	100,000
3	Công ty chứng khoán Bảo Việt	www.bvsc.com.vn	43,000
4	Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	www.fsc.com.vn	43,000
5	Công ty TNHH chứng khoán Ngân Hàng Công Thương Việt Nam		55,000
6	Công ty cổ phần chứng khoán Mê Kông	www.mekongsecurities.com.vn	6,000
7	Công ty TNHH chứng khoán Thăng Long		43,000
8	Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	www.vcbs.com.vn	60,000
9	Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Đông Á	www.eabbank.com.vn	21,000
10	Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng		21,750
11	Công ty chứng khoán Sài Gòn	www.ssi.com.vn	20,000
12	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng NNO&PTNT Việt Nam		100,000
13	Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	www.hsc.com.vn	50,000
III	Công ty quản lý quỹ		-
1	Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam	www.vinafund.com	8,000
IV	Ngân hàng lưu ký		613,750
1	Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		-
2	Ngân hàng Standard Chartered - Chi nhánh Hà Nội		-
3	Ngân hàng Deutsche Bank AG- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		-
4	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	www.vietcombank.com.vn	-
5	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		-
V	Ngân hàng chỉ định thanh toán		-
1	Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam		-

STT		Tên công ty	Website	Vốn điều lệ
VI		Các công ty niêm yết		-
1	AGF	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang	www.agifish.com	41,791
2	BBC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hoà	www.bibica.com	56,000
3	BBT	Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	www.bachtuyet.com.vn	68,400
4	BPC	Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn		38,000
5	BT6	Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Châu Thới	concrete620.com	58,827
6	BTC	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu		12,613
7	CAN	Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	www.halong-canfood.com.vn	35,000
8	DHA	Công ty Cổ phần Hoá An		35,000
9	DPC	Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng		15,873
10	GIL	Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	www.GILIMEX.com	25,500
11	GMD	Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển		200,000
12	HAP	Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng		20,080
13	HAS	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội		12,000
14	KHA	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội		20,900
15	LAF	Công ty Cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An		19,098
16	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	www.cokhixangdau.com	32,000
17	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	www.reecorp.com	225,000
18	SAM	Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu viễn thông		180,000
19	SAV	Công ty Cổ phần Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu SAVIMEX		45,000
20	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn		17,663
21	TMS	Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương	http://www.transimex-saigon.com	33,000
22	TRI	Công ty Cổ phần nước Giải khát Sài Gòn		45,484
23	SFC	Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	www.satrahochiminhcity.gov.vn	17,000
24	NKD	Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc		50,000
25	TS4	Công ty Cổ phần Thủy sản Số 4		15,000
26	VTC	Công ty Cổ phần Viễn thông VTC		17,977
		Tổng cộng		1,337,207

BẢO HIỂM (nguồn: www.mof.gov.vn)

TT	Tên công ty	Năm cấp giấy phép	ĐVT	Vốn điều lệ	Hình thức sở hữu	Lĩnh vực hoạt động
01	Tổng Công ty bảo hiểm Việt Nam (BAOVIET)	1964	Tỷ VNĐ	586	Nhà nước	Phi nhân thọ, nhân thọ
13	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	1999	Tỷ VNĐ	140	100% vốn đầu tư nước ngoài	Nhân thọ
22	Công ty Cổ phần bảo hiểm Viễn Đông	2003	Tỷ VNĐ	72	Cổ phần	Phi nhân thọ
05	Công ty Cổ phần bảo hiểm Nhà Rồng (BAOLONG)	1995	Tỷ VNĐ	70	Cổ phần	Phi nhân thọ
10	Công ty cổ phần bảo hiểm bưu điện (PTI)	1998	Tỷ VNĐ	70	Cổ phần	Phi nhân thọ
06	Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	1995	Tỷ VNĐ	55	Cổ phần	Phi nhân thọ
02	Công ty Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE)	1994	Tỷ VNĐ	40	Nhà nước	Tái bảo hiểm
03	Công ty bảo hiểm thành phố Hồ Chí Minh (BAOMINH)	1994	Tỷ VNĐ	40	Nhà nước	Phi nhân thọ
07	Công ty bảo hiểm dầu khí (PVI)	1996	Tỷ VNĐ	20	Nhà nước	Phi nhân thọ
14	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh CMG	1999	Tỷ VNĐ	10	Liên doanh	Nhân thọ
18	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Việt Quốc	2001	Tỷ VNĐ	6	Cổ phần	Môi giới bảo hiểm
23	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Á Đông	2003	Tỷ VNĐ	6	Cổ phần	Môi giới bảo hiểm
24	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Đại Việt	2003	Tỷ VNĐ	6	Cổ phần	Môi giới bảo hiểm
15	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam	1999	Triệu USD	75	100% vốn đầu tư nước ngoài	Nhân thọ
16	Công ty TNHH bảo hiểm quốc tế Mỹ (Việt Nam) (AIA)	2000	Triệu USD	25	100% vốn đầu tư nước ngoài	Nhân thọ
12	Công ty TNHH bảo hiểm Allianz (Việt Nam)	1999	Triệu USD	6.295	100% vốn đầu tư nước ngoài	Phi nhân thọ
08	Công ty liên doanh bảo hiểm quốc tế Việt Nam (VIA)	1996	Triệu USD	6	Liên doanh	Phi nhân thọ
20	Công ty TNHH bảo hiểm châu á - Ngân hàng công thương	2002	Triệu USD	6	Liên doanh	Phi nhân thọ
09	Công ty liên doanh bảo hiểm liên hiệp (UIC)	1997	Triệu USD	5	Liên doanh	Phi nhân thọ
17	Công ty bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam	2001	Triệu USD	5	100% vốn đầu tư nước ngoài	Phi nhân thọ
19	Công ty liên doanh TNHH bảo hiểm Samsung-Vina	2002	Triệu USD	5	Liên doanh	Phi nhân thọ
11	Công ty liên doanh bảo hiểm Việt – Úc (BIDV-QBE)	1999	Triệu USD	4	Liên doanh	Phi nhân thọ
21	Công ty môi giới bảo hiểm Grassavoye	2003	Triệu USD	0.3	100% vốn đầu tư nước ngoài	Môi giới bảo hiểm
04	Công ty LD TVDV bảo hiểm và tái bảo hiểm Bảo Việt - Aon	1993	Triệu USD	0.25	Liên doanh	Môi giới bảo hiểm

CÁC QUỸ ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ TẠI VIỆT NAM

1. Quỹ Dragon (Dragon Capital)
2. Quỹ Mekong (mekong Capital)
3. Quỹ Indochina (Vinacapital)
4. Quỹ Vina (Vina Capital)
5. Quỹ IDG
6. Quỹ Phăng Xi Păng
7. Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1)
8. Quỹ Vietnam Opportunity Fund (VOF)
9. Công ty quản lý quỹ đầu tư Việt Nam,
10. Công ty quản lý quỹ Thành Việt,
11. Công ty quản lý quỹ Manulife
12. Công ty quản lý quỹ Prudential

(Số liệu các quỹ đầu tư chưa thực sự được cập nhật một cách đầy đủ).